

Phụ lục 3

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần
của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN | | | | | |
| I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH; KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN; TÀI SẢN CÔNG, NỢ CÔNG – NGÂN HÀNG – THUẾ (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG-THUẾ) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 1 | Nghị quyết | - Số 07/2013/NQ-HĐND - Ngày 26/7/2013 - Về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh | Mục A quy định về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu các giải thể thao trong nước của Quy định | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 47/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2019 |
| 2 | Nghị quyết | - Số 30/2016/NQ-HĐND - Ngày 09/12/2016 - Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020 | - Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 1 ; - Điểm c, Khoản 1 Điều 3 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi quy định về một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2019 |
| | | | Điểm c, d Khoản 1, Điều 1. Điểm c, g khoản 1 Điều 3. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định năm 2021 | 01/01/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| 3 | Nghị quyết | - Số 09/2018/NQ-HĐND - Ngày 19/7/2018 - Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | Khoản 10 Điều 4; Điều 14; Điều 15. | Được sửa đổi, bãi bỏ bởi Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| 4 | Nghị quyết | - Số 09/2018/NQ-HĐND - Ngày 19/7/2018 - Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | - Điều 5; - Tiết 1 điểm a khoản 3 Điều 6; - Tiết 1 điểm b khoản 3 Điều 6; - Tiết 1 điểm a khoản 6 Điều 6; - Điểm a khoản 2 Điều 7; - Khoản 4 Điều 7; - Khoản 3 Điều 9; - Điểm a khoản 1 Điều 11; - Tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 11; - Tiết 2 điểm b khoản 2 Điều 11; - Khoản 5 Điều 11; - Khoản 2 Điều 12; - Khoản 2 Điều 13; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 30/7/2022 |
| 5 | Nghị | - Số 37/2018/NQ-HĐND | Khoản 1, Điều 1; | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số | 01/01/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | quyết | - Ngày 07/12/2018 - Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 5, Điều 1. | 38/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 6 | Nghị quyết | - Số 22/2021/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2021 - Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 | - Điểm d khoản 1 Điều 3 (Thay thế cụm từ “Thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn” bằng cụm từ “huyện, thị xã, thành phố”) - Điểm e khoản 1 Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 20/12/2022 |
| | | | - Gạch đầu dòng thứ 6 điểm a khoản 2 Điều 4; - Gạch đầu dòng thứ 6 điểm a khoản 2 Điều 6; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh | 16/12/2023 |
| 7 | Nghị quyết | - Số 23/2021/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2021 - Ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa | - Điểm c, d khoản 1 Điều 3; - Điểm c khoản 1 Điều 4; - Điểm c khoản 2 Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 11 | 24/7/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định | | tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 8 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 24/2021/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2021 - Ban hành Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | <ul style="list-style-type: none"> - Số thứ tự 1 biểu mức thu cụ thể một số địa điểm đến thăm quan tại điểm b khoản 3 Điều 2; - Điểm a khoản 3 Điều 2; - Bãi bỏ cụm từ “thăm định đề án xả nước thảo vào nguồn nước, công trình thủy lợi” tại Điều 6; - Mục 4 trong biểu thức thu tại khoản 2 Điều 6; - Điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 17/9/2022 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 19; - Điều 16. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | 24/7/2023 |
| | | | Điều 10 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 10 Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ- | 16/12/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|-------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | | HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | |
| 9 | Nghị quyết | - Số 15/2022/NQ-HĐND - Ngày 20/7/2022 - Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 | Điểm a, b khoản 3 Điều 9. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 24/7/2023 |
| 10 | Nghị quyết | - Số 22/2022/NQ-HĐND - Ngày 07/9/2022 - Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | Khoản 3 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | 24/7/2023 |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 11 | Quyết định | - Số 28/2013/QĐ-UBND - Ngày 15/8/2013 - Về việc ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu và chế | Mục A quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh trong thời gian tập luyện và thi đấu các giải thể thao trong | Được bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh | nước | | |
| 12 | Quyết định | - Số 25/2014/QĐ-UBND - Ngày 22/9/2014 - Về việc ban hành Quy định tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh | - Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung một số Điều của Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất đối với hoạt động khai thác khoáng sản và dự án kinh doanh chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định | 22/10/2016 |
| 13 | Quyết định | - Số 73/2016/QĐ-UBND - Ngày 19/12/2016 - Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2017 - 2020. | - Điểm c, d Khoản 1 Điều 1. - Điểm c Khoản 1 Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 54/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2017-2020 | 01/01/2019 |
| | | | Điểm c, d Khoản 1, Điều 1. Điểm c, g khoản 1 Điều 3. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 81/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định năm 2021 | 01/01/2021 |
| 14 | Quyết định | - Số 82/2016/QĐ-UBND - Ngày 21/12/2016. | Mục I, Khoản 1, Phụ lục Bảng giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Bình | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban | 01/10/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | - Ban hành giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Bình Định | Định. | hành quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ tại Khu Du lịch Hàm Hô huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô | |
| 15 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 84/2016/QĐ-UBND - Ngày 21/12/2016 - Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2020 | 01/02/2018 |
| | | | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Nhơn đến năm 2020. | 12/02/2018 |
| | | | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020) | 01/01/2019 |
| | | | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020) | 01/4/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 60/2019/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định năm 2020 | 01/01/2020 |
| | | | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 69/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2020-2021) | 01/01/2020 |
| | | | Điều chỉnh, bổ sung giá tối đa các dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2022 - 2023) | Được điều chỉnh, bổ bởi Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa các dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2022 - 2023) | 10/9/2022 |
| | | | Điều chỉnh một số nội dung | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 15/4/2023 của UBND tỉnh Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024) | 01/5/2023 |
| 16 | Quyết định | - Số 10/2017/QĐ-UBND - Ngày 01/3/2017 - Ban hành quy định, tiêu chuẩn, định mức | - Điều 1 - Danh mục máy móc, thiết bị tại Phụ lục 2 | Được sửa đổi, bãi bỏ bởi Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định | 25/10/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | | ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| | | | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 25/02/2019 |
| | | | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/8/2019 |
| | | | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/12/2019 |
| 17 | Quyết định | - Số 56/2017/QĐ-UBND - Ngày 28/9/2017 - Ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương | - Khoản 2 Điều 1; - Khoản 1 Điều 4; - Khoản 3 Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết | 27/6/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | Ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay nôi với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định | | định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 18 | Quyết định | - Số 58/2017/QĐ-UBND - Ngày 13/10/2017 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 25/02/2019 |
| | | | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/8/2019 |
| | | | Nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế | Được thay thế một phần bằng Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/12/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| 19 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 27/2018/QĐ-UBND - Ngày 20/7/2018 - Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | <ul style="list-style-type: none"> Khoản 10 Điều 4; Khoản 11 Điều 4; Điểm a, khoản 1 Điều 11; Điều 14; Điều 15; | Được sửa đổi, bãi bỏ một số điều bằng Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/01/2020 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5; - Tiết 1 điểm a khoản 3 Điều 6; - Tiết 1 điểm b khoản 3 Điều 6; - Tiết 1 điểm ba khoản 6 Điều 6; - Điểm a khoản 8 Điều 6; - Điểm a khoản 2 Điều 7; - Khoản 4 Điều 7; - Khoản 3 Điều 9; - Tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 11; - Khoản 5 Điều 11; - Khoản 2 Điều 12; - Khoản 2 Điều 13. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 04/8/2022 |
| 20 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 57/2018/QĐ-UBND - Ngày 07/12/2018 - Quy định một số mức chi cho công tác | <ul style="list-style-type: none"> Khoản 1 Điều 3; Khoản 5 Điều 3. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2018/QĐ- | 01/01/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | | bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định. | | UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh | |
| 21 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 11/2019/QĐ-UBND - Ngày 11/3/2019 - Về việc quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | khoản 3 Điều 1 (Đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước do trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý) | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 59/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Về việc quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/10/2022 |
| | | | khoản 3 Điều 1 (Đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước do Ban quản lý cấp và thoát nước huyện Tây Sơn quản lý) | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Về việc quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2023 |
| | | | Đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước do Ban Quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước quản lý, vận hành tại 2 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 73/2023/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công trình cấp nước do Ban Quản lý nước sạch và VSMT huyện Tuy Phước quản lý, vận hành | 01/12/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| 22 | Quyết định | - Số 49/2019/QĐ-UBND - Ngày 11/9/2019 - Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ lĩnh vực công ích, vệ sinh môi trường do ngân sách nhà nước trang bị mua sắm của 05 huyện và 02 thị xã trên địa bàn tỉnh | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định | 03/3/2023 |
| 23 | Quyết định | - Số 71/2019/QĐ-UBND - Ngày 19/12/2019 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh | Điểm 2 khoản 1 Điều 1. | Được điều chỉnh tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 06/01/2020 |
| 24 | Quyết định | - Số 49/2021/QĐ-UBND - Ngày 11/8/2021 - UBND tỉnh Bình Định Ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định | điểm a khoản 2 Phụ lục II | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ điểm a khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định | 05/10/2023 |
| 25 | Quyết định | - Số 67/2021/QĐ-UBND - Ngày 10/11/2021 - Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ lĩnh vực công ích, vệ sinh môi trường do ngân sách nhà nước trang bị mua sắm của 05 huyện và 02 thị xã trên địa bàn tỉnh | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định | 03/3/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| 26 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 76/2021/QĐ-UBND - Ngày 14/12/2021 - Ban hành Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định | <ul style="list-style-type: none"> - Số thứ tự 1 biểu mức thu cụ thể một số địa điểm thăm quan tại điểm b khoản 3 Điều 2; - Điểm a khoản 3 Điều 2; - Bỏ cụm từ “thăm định đề án xả nước vào nguồn nước, công trình thủy lợi” tại Điều 6; - Mục 4 trong biểu thức thu của khoản 2 Điều 6; - Khoản 3 Điều 16; - Điểm b khoản 2, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 16. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh | 27/9/2022 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 19; - Bãi bỏ Điều 16 (<i>được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>). | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/8/2023 |
| | | | Điều 10. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 85/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 30/12/2023 |
| 27 | Quyết | - Số 77/2021/QĐ-UBND | - Điểm c, d khoản 1 Điều | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số | 11/8/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|-------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | định | - Ngày 15/12/2021 - Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 3; - Điểm c khoản 1 Điều 4; - Điểm c, khoản 2, Điều 4. | 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 28 | Quyết định | - Số 78/2021/QĐ-UBND - Ngày 15/12/2021 - Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 | - Điểm d khoản 1 Điều 3 (Thay thế cụm từ “thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn” bằng cụm từ “huyện, thị xã, thành phố”; - Điểm e khoản 1 Điều 5. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 75/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/01/2023 |
| | | | - Gạch đầu dòng thứ 6 điểm a khoản 2 Điều 4; - Gạch đầu dòng thứ 6 điểm a khoản 2 Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 86/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/01/2024 |
| | | II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO) | | | |
| | NGHỊ QUYẾT | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| 29 | Nghị quyết | - Số 07/2013/NQ-HĐND - Ngày 26/7/2013 - Về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh | Mục B của Quy định. | Được sửa, bổ sung bởi Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định | 24/7/2023 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 30 | Quyết định | - Số 23/2014/QĐ-UBND - Ngày 13/8/2014 - Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy định tiêu chuẩn công nhận Danh hiệu “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Khu phố văn hóa”; tiêu chuẩn công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” và tiêu chuẩn công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điểm a, b, c khoản 1, Điều 1. | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định thang điểm, tiêu chuẩn, quy trình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Khu phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh Bình Định | 05/7/2021 |
| | | | Khoản 2 Điều 1. | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 và một phần Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 25/5/2023 |
| 31 | Quyết định | - Số 57/2021/QĐ-UBND - Ngày 20/9/2021 - Ban hành Quy định Giải thưởng Đào Tấn - Xuân Diệu dành cho văn học, nghệ thuật tỉnh Bình Định | Khoản 5 Điều 8. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 của Quy định Giải thưởng Đào Tấn – Xuân Diệu dành cho văn học nghệ thuật tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày | 06/5/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | | 20/9/2021 của UBND tỉnh. | |
| III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 32 | Nghị quyết | - Số 22/2016/NQ-HĐND - Ngày 22/7/2016 - Về việc thông qua chủ trương vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới (WB), phương án trả nợ vay và chấp thuận dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) | - Khoản 1 Điều 1; - Điểm a khoản 2 Điều 1; - Phụ lục 1, 2; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của HĐND tỉnh Về việc thông qua chủ trương vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới (WB), phương án trả nợ vay và chấp thuận dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) | 21/12/2021 |
| 33 | Nghị quyết | - Số 23/2016/NQ-HĐND - Ngày 22/7/2016 - Về chủ trương vay vốn của Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án thành phố Quy Nhơn | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 92/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương vay vốn của Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án thành phố Quy Nhơn | 18/12/2017 |
| 34 | Nghị quyết | - Số 35/2016/NQ-HĐND - Ngày 09/12/2016 - Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư phát triển Ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung | Được Điều chỉnh bởi Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển 06 tháng cuối năm 2017 (nguồn vốn tỉnh) | 24/7/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | Định. | | | |
| 35 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 91/2017/NQ-HĐND - Ngày 08/12/2017 - Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định. | Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn trung hạn 2016-2020 và năm 2018 (nguồn vốn của tỉnh) | 01/8/2018 |
| | | | Khoản 1, Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 17/12/2018 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giám tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục 02 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà | 01/8/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | phụ lục 03 kèm theo. | nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | |
| 36 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 02/2018/NQ-HĐND - Ngày 05/02/2018 - Bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định. | Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn trung hạn 2016-2020 và năm 2018 (nguồn vốn của tỉnh) | 01/8/2018 |
| | | | Khoản 1, Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 17/12/2018 |
| 37 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 02/2018/NQ-HĐND - Ngày 05/02/2018 - Bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục 02 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch | 01/8/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | năm 2020; chi tiết như phụ lục 03 kèm theo. | đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | |
| 38 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 14/2018/NQ-HĐND - Ngày 19/7/2018 - Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn trung hạn 2016-2020 và năm 2018 (nguồn vốn của tỉnh) | Khoản 1, Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 17/12/2018 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục 02 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như phụ lục 03 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | 01/8/2020 |
| 39 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 15/2018/NQ-HĐND - Ngày 19/7/2018 | Điểm a khoản 2; | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 | 21/12/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | - Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định | | của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy định một số nội dung của Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh Bình Định | |
| 40 | Nghị quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Số 35/2018/NQ-HĐND - Ngày 07/12/2018 - Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi, bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 | 01/8/2019 |
| | | | Sửa đổi và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 Sửa đổi kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2019 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 02/10/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung danh mục và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 (nguồn vốn của tỉnh) | 12/10/2019 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | | 02 kèm theo. | | |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như phụ lục 03 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | 01/8/2020 |
| 41 | Nghị quyết | - Số 10/2019/NQ-HĐND - Ngày 11/7/2019 - Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 | Sửa đổi và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 Sửa đổi kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2019 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 02/10/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung danh mục và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 (nguồn vốn của tỉnh) | 12/10/2019 |
| | | | - Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục 02 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà | 01/8/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | | phụ lục 03 kèm theo. | nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | |
| 42 | Nghị quyết | - Số 30/2019/NQ-HĐND - Ngày 02/10/2019 - Về việc sửa đổi, bổ sung danh mục và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 (nguồn vốn của tỉnh) | - Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, chi tiết như phụ lục 01 kèm theo. - Bổ sung danh mục dự án và sửa đổi, bổ sung vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; chi tiết như phụ lục 02 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 23/12/2019 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như phụ lục 03 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | 01/8/2020 |
| 43 | Nghị quyết | - Số 40/2019/NQ-HĐND - Ngày 13/12/2019 - Về việc Sửa đổi, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; chi tiết như phụ lục 03 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh | 01/8/2020 |
| 44 | Nghị quyết | - Số 41/2019/NQ-HĐND - Ngày 13/12/2019 - Về việc Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy | Điều 1; Điều 2. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 41/2019/NQ- | 01/01/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư công một số dự án nhóm C | | HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh về việc HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư công một số dự án nhóm C | |
| 45 | Nghị quyết | - Số 21/2020/NQ-HĐND - Ngày 06/12/2020 - Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021 | Phụ lục 1, 2, 3. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh quản lý năm 2021 | 01/4/2021 |
| 46 | Nghị quyết | - Số 31/2020/NQ-HĐND - Ngày 06/12/2020 - Về chủ trương vay vốn của Ngân hàng thế giới (WB) để thực hiện dự án: Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định | Điểm i khoản 1 Phụ lục; Điểm b khoản 2 Phụ lục. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương vay vốn của Ngân hàng thế giới (WB) để thực hiện dự án: Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định | 01/4/2021 |
| 47 | Nghị quyết | - Số 09/2021/NQ-HĐND - Ngày 27/7/2021 - Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 | - Tiết a điểm b khoản 2 Mục A; (Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2022). - Số thứ tự 11 Phần II Mục A Phụ lục I (Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2022). | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế năm 2022 và đến năm 2025 tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh. | 17/9/2022 |
| 48 | Nghị quyết | - Số 21/2021/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2021 - Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội | - Điểm b khoản 2 Điều 1 (Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2022). | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế năm 2022 và đến | 17/9/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | năm 2022 | | năm 2025 tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh. | |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 49 | Quyết định | - Số 18/2013/QĐ-UBND - Ngày 18/7/2013 - Về việc ban hành Quy định Cơ chế đầu tư đặc thù đối với công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Bình Định. | - Khoản 1 Điều 1; - Điểm a, b và ý thứ 3, 4, 5 Khoản 2 Điều 4; - Điều 6; - Bổ sung Phụ lục 1 và 2 kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 24/20/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy định Cơ chế đầu tư đặc thù đối với công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Bình Định | 01/01/2013 |
| IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 50 | Nghị quyết | - Số 05/2012/NQ-HĐND - Ngày 20/7/2012 - Về quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2011 - 2015 của tỉnh Bình Định | - Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bình Định đến năm 2020; - Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh Bình Định | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết 65/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Bình Định | 24/7/2017 |
| 51 | Nghị quyết | - Số 47/2019/NQ-HĐND - Ngày 13/12/2019 - Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi tên thị xã Hoài Nhơn vào các bảng giá đất nông nghiệp (bảng ghi số 1,2,4,6) và bảng giá đất ở tại nông thôn (Bảng giá số 7); Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại thị trấn và ven trục | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | | <p>đường giao thông các huyện (Bảng số 8);</p> <p>Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại phường và ven trục đường giao thông thị xã An Nhơn (Bảng số 9)</p> <p>Giá đất ở tại phường và ven trục đường giao thông thị xã Hoài Nhơn (Bảng giá số 9a);</p> <p>Giá đất ở tại thành phố Quy Nhơn (bảng giá số 10)</p> | | |
| | | | <p>Bảng giá số 8;</p> <p>Bảng giá số 9;</p> <p>Bảng giá số 9a;</p> <p>Bảng giá số 10;</p> <p>Bảng giá số 10a;</p> <p>Bảng giá số 11.</p> | Được sửa đổi bởi tại Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2022 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 52 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 37/2014/QĐ-UBND - Ngày 25/12/2014 - Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh | Sửa đổi hạn mức đất của huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn) | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 78/2020/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Bổ sung quy định hạn mức đất ở trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định | 01/01/2021 |
| 53 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 40/2014/QĐ-UBND - Ngày 25/12/2014 - Quy định diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Khoản 4 Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh về việc Quy | 31/7/2015 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | | | định diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 54 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 04/2019/QĐ-UBND - Ngày 14/02/2019 - Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 9 Điều 40; Điều 53. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/6/2019 |
| | | | Điểm b khoản 2 Điều 11; Khoản 2 Điều 16; Khoản 4 Điều 17; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | 20/12/2019 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4; - Khoản 2 Điều 6; | Được sửa đổi bởi Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/4/2022 |
| | | | Thay thế cụm từ “các cá nhân có tên trong sổ hộ | Được điều chỉnh bởi Quyết định số | 10/8/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | khẩu gia đình” bằng cụm từ “các cá nhân có đăng ký thường trú” tại điểm c khoản 3 Điều 34 | 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | |
| 55 | Quyết định | <p>- Số 05/2019/QĐ-UBND</p> <p>- Ngày 14/02/2019</p> <p>- Ban hành quy định về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Định</p> | <p>Điều 6;</p> <p>Điều 8;</p> <p>Khoản 4 Điều 9;</p> <p>Điều 15;</p> <p>Bước 8 khoản 3 Điều 20;</p> <p>Điều 22;</p> <p>Bước 2 điểm a khoản 4 Điều 31;</p> <p>ước 5 đến Bước 10 của khoản 4 Điều 33</p> <p>Mục 2 Phụ lục I;</p> <p>Điểm c khoản 2 Mục 2;</p> <p>điểm d khoản 3 Mục 2;</p> <p>điểm c khoản 4 Mục 2;</p> <p>điểm b khoản 2 Mục 3;</p> <p>khoản 2 Mục 5 và khoản 2 Mục 6 của Phụ lục I;</p> <p>Mục 8 của Phụ lục I;</p> <p>Điểm h khoản 3 Mục 12 của Phụ lục I;</p> <p>Khoản 1 Mục 5 của Phụ lục II;</p> <p>Mục 7 Phụ lục II;</p> <p>Khoản 4 Mục 11 của Phụ</p> | Được sửa đổi bởi Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 10/6/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | lục II; Mục 18 của Phụ lục II. | | |
| | | | Bãi bỏ thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính là “sổ hộ khẩu” tại khoản 4 Mục 11 và điểm b, điểm c khoản 3 Mục 12 Phụ lục I kèm theo Quyết định | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| 56 | Quyết định | - Số 65/2019/QĐ-UBND - Ngày 18/12/2019 - Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sửa đổi tên thị xã Hoài Nhơn vào các bảng giá đất nông nghiệp (bảng ghi số 1,2,4,6) và bảng giá đất ở tại nông thôn (Bảng giá số 7); Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại thị trấn và ven trục đường giao thông các huyện (Bảng số 8); Sửa đổi, bổ sung giá đất ở tại phường và ven trục đường giao thông thị xã An Nhơn (Bảng số 9) Giá đất ở tại phường và ven trục đường giao thông thị xã Hoài Nhơn (Bảng giá số 9a); Giá đất ở tại thành phố Quy Nhơn (bảng giá số 10) | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2020 |
| | | | Bảng giá số 8; | Được sửa đổi bởi Quyết định số | 01/01/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | Bảng giá số 9; Bảng giá số 9a; Bảng giá số 10; Bảng giá số 10a; Bảng giá số 11. | 81/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh | |
| 57 | Quyết định | - Số 09/2020/QĐ-UBND - Ngày 18/3/2020 - Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định | Điều 6. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 71/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định | 20/11/2022 |
| V. LĨNH VỰC Y TẾ, DƯỠC VÀ DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 58 | Nghị quyết | - Số 08/2008/NQ-HĐND - Ngày 22/8/2008 - Về Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 | Điều chỉnh một số nội dung | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết 72/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2025 (điều chỉnh, bổ sung) | 24/7/2017 |
| 59 | Nghị quyết | - Số 22/2018/NQ-HĐND - Ngày 19/7/2018 - Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Sữa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018-2020 | khoản 6 Điều 1. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, khoản 6 Điều 1 của Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình Sữa học đường trong các cơ | 16/12/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | | sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018-2020 | |
| 60 | Nghị quyết | - Số 09/2021/NQ-HĐND - Ngày 27/7/2021 - Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 | - Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế xã (Tại tiết 1 điểm b khoản 2 mục A của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; - Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2024 - 2025 (Tại STT 8 phần II mục A Phụ lục 1 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế xã đến năm 2025 tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 kèm theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh | 16/12/2023 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 61 | Quyết định | - Số 28/2008/QĐ-UBND - Ngày 08/9/2008 - Về việc ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 | Điều chỉnh một số nội dung | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Ban hành quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2025 (điều chỉnh, bổ sung) | 01/8/2017 |
| 62 | Quyết định | - Số 32/2018/QĐ-UBND - Ngày 20/7/2018 - Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho Chương trình sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018- | Điều 7 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 83/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi Điều 7 của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho Chương trình sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn | 28/12/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | 2020 | | tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| VI. LĨNH VỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; DÂN TỘC, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG; TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, HỘI; THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ VĂN THƯ, LƯU TRỮ (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 63 | Nghị quyết | - Số 10/2010/NQ-HĐND - Ngày 28/7/2010 - Quy định chức danh và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn | Phụ lục số 04/2010 | Sửa đổi, bổ sung bằng Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND, ngày 20/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận, đoàn thể và sửa đổi, bổ sung một số chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn | 01/08/2012 |
| 64 | Nghị quyết | - Số 33/2013/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2013 - Về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và điều chỉnh mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn. | Điểm a khoản 6 Điều 1; khoản 2, khoản 5 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2013/NĐ-HĐND | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định. | 01/01/2019 |
| 65 | Nghị quyết | - Số 08/2015/NQ-HĐND - Ngày 10/7/2015 - Về việc quy định một số chính sách thu | Điều 6 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết 69/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi Điều 6 của quy định về một số chính | 24/7/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | | hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ | | sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ ban hành Kèm theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Khóa XI) | |
| | | | Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 01/8/2019 |
| 66 | Nghị quyết | - Số 24/2019/NQ-HĐND - Ngày 11/7/2019 - Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016- 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh | Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 20/12/2022 |
| 67 | Nghị quyết | - Số 25/2019/NQ-HĐND - Ngày 11/7/2019 - Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo | - Điều 8; - Điều 11. | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 24/7/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 68 | Quyết định | - Số 22/2010/QĐ-UBND - Ngày 08/9/2010 - Về việc ban hành Quy định về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, làng, khối phố, khu phố trên địa bàn tỉnh | Một số nội dung | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và điều chỉnh mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn | 01/01/2014 |
| 69 | Quyết định | - Số 27/2014/QĐ-UBND - Ngày 29/10/2014 - Ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ | - Khoản 3 Điều 2; - Khoản 3 Điều 4; - Điều 6; - Điều 10. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Bình Định | 05/7/2022 |
| 70 | Quyết định | - Số 34/2015/QĐ-UBND - Ngày 01/10/2015 - Ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 – 2021 | Điều 6 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi Điều 6 của quy định về một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/8/2017 |
| | | | Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của | 01/8/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | | UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| 71 | Quyết định | - Số 63/2017/QĐ-UBND - Ngày 05/12/2017 - Ban hành Quy chế công tác thi đua khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | Điều 2; Điều 3; Khoản 2 Điều 5; Điều 9; Khoản 4 Điều 11; Điều 13; Điều 15; Điều 16; Khoản 1 Điều 17; Khoản 5 Điều 19; Điều 20; Điều 21; Khoản 2 Điều 22; Khoản 4, khoản 5 Điều 23; Điều 25; Khoản 1 Điều 26; Điều 29. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. | 15/12/2019 |
| 72 | Quyết định | - Số 48/2018/QĐ-UBND - Ngày 01/11/2018 - Về việc ban hành Quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức tỉnh Bình Định | - Điều 5; - Điểm c khoản 1 Điều 11; - Phụ lục 2. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND | 01/02/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | | ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh | |
| 73 | Quyết định | - Số 41/2019/QĐ-UBND - Ngày 19/7/2019 - Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo | - Điều 8; - Điều 11. | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 15/8/2023 |
| 74 | Quyết định | - Số 42/2019/QĐ-UBND - Ngày 19/7/2019 - Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 82/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/01/2023 |
| 75 | Quyết định | - Số 10/2022/QĐ-UBND - Ngày 01 tháng 4 năm 2022 - Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | Bãi bỏ điểm e khoản 2 Điều 7. | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 75/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ điểm e khoản 2 Điều 7 Quy định kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 01/12/2023 |
| VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, NHÀ Ở, ĐÔ THỊ (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG) | | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 76 | Nghị quyết | - Số 19/2013/NQ-HĐND - Ngày 11/12/2013 - Về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung | Được sửa đổi bởi Nghị quyết 63/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của tỉnh | 24/7/2017 |
| 77 | Nghị quyết | - Số 31/2015/NQ-HĐND - Ngày 25/12/2015 - Về Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020 | Điều chỉnh một số nội dung | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết 64/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020 | 24/7/2017 |
| 78 | Nghị quyết | - Số 64/2017/NQ-HĐND - Ngày 14/7/2017 - Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020 | Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 (có Phụ lục ban hành kèm theo). | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 Về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 | 01/8/2019 |
| 79 | Nghị quyết | - Số 14/2021/NQ-HĐND - Ngày 27/7/2021 - Về chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định | Thay thế cụm từ “Sổ hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “Nơi thường trú” tại điểm a khoản 1 Điều 1 | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 24/7/2023 |
| | | | - Điểm a khoản 2 Điều 1; | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số | 01/01/2024 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|-------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | | - Khoản 4 Điều 1. | 39/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 80 | Quyết định | - Số 21/2010/QĐ-UBND - Ngày 07/9/2010 - Về việc ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế, dự toán và quản lý đấu thầu trong hoạt động xây dựng | Khoản 2 Điều 1. | Sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND tỉnh về ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế, dự toán và quản lý đấu thầu trong hoạt động xây dựng | 19/05/2012 |
| 81 | Quyết định | - Số 20/2012/QĐ-UBND - Ngày 22/6/2012 - Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh | Điều 2; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9. Điểm a khoản 1 Điều 11; Khoản 2 Điều 11; khoản 2, khoản 3 Điều 14; điểm a khoản 4 Điều 14; khoản 4 Điều 16; | Được sửa đổi bởi Quyết định số 70/2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về quản lý, sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND tỉnh Bình Định | 15/11/2020 |
| 82 | Quyết định | - Số 51/2015/QĐ-UBND - Ngày 25/12/2015 - Về việc ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, | 24/7/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | 2020 | | giai đoạn 2016-2020 | |
| 83 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 01/2016/QĐ-UBND - Ngày 11/01/2016 - Về việc ban hành Quy định cải tạo, sửa chữa công sở của các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở, nhà làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 6; - Điều 8; - Điều 12; - Điểm b, Khoản 1, Điều 13 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 25/04/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 05/05/2016 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 10 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định cải tạo, sửa chữa công sở của các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở, nhà làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | 16/10/2017 |
| 84 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 20/2016/QĐ-UBND - Ngày 04/3/2016 - Về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> Khoản 1, khoản 3 Điều 4; Khoản 1 Điều 6; Điểm c khoản 2 Điều 8; Điểm b khoản 3 Điều 10; Khoản 3 Điều 26; Điểm b, i khoản 1 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 27. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định | 25/7/2021 |
| 85 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 27/2017/QĐ-UBND - Ngày 14/7/2017 - Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020 | Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 (có Phụ lục ban hành kèm theo). | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 | 01/8/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| 86 | Quyết định | - Số 25/2019/QĐ-UBND - Ngày 27/6/2019 - Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh | khoản 1, 3 Điều 4; điểm d, đ khoản 1 Điều 6 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 01/7/2020 |
| 87 | Quyết định | - Số 33/2019/QĐ-UBND - Ngày 19/7/2019 - Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh | Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 | 05/8/2020 |
| 88 | Quyết định | - Số 29/2020/QĐ-UBND - Ngày 25/5/2020 - Ban hành Quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều 4; Điều 6. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Bình Định | 15/4/2021 |
| | | | Thay thế cụm từ “đăng ký hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “đăng ký thường trú” tại điểm b khoản 2 Điều 8. | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| 89 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 39/2021/QĐ-UBND - Ngày 27/7/2021 - Quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định. | Thay thế cụm từ “hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “nơi thường trú” tại điểm a khoản 1 Điều 2. | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 2; - Khoản 2 Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 83/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/01/2024 |
| VIII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT; PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP; BỔ TRỢ TƯ PHÁP (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| | Không | | | | |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 90 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 78/2017/QĐ-UBND - Ngày 18/12/2017 - Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định. | Điều 40 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Định | 15/6/2020 |
| 91 | Quyết | - Số 43/2018/QĐ-UBND | - Điểm d khoản 3 Điều 7; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số | 08/7/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | định | - Ngày 17/8/2018 - Ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định. | - Khoản 1 Điều 13; - Khoản 1 Điều 14; - Điều 28; - Khoản 4 Điều 29. - Điều a khoản 7, điểm a khoản 10 Điều 30. | 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| | | | - Điểm a khoản 1 Điều 15. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 78/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) | 01/01/2024 |
| 92 | Quyết định | - Số 31/2022/QĐ-UBND - Ngày 27/6/2022 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 6 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 78/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số | 01/01/2024 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | | | 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) | |
| IX. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 93 | Nghị quyết | - Số 27/2011/NQ-HĐND - Ngày 18/8/2011 - Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang loại hình công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | Điều chỉnh thời gian thực hiện chuyển đổi đối với 13 trường mầm non bán công thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính, chậm nhất đến hết năm học 2017 – 2018 và mức thu học phí | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 27/2011/NQ- HĐND, ngày 18/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang loại hình công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | 05/8/2013 |
| 94 | Nghị quyết | - Số 09/2013/NQ-HĐND - Ngày 26/7/2013 - Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 27/2011/NQ- HĐND, ngày 18/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang loại hình công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | Về cơ chế tự chủ tài chính; lộ trình thực hiện | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án chuyển đổi các trường Mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính | 01/8/2018 |
| | | | Khoản 2 Điều 1. | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh Về cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh | 21/12/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | | Bình Định | |
| 95 | Nghị quyết | - Số 33/2015/NQ-HĐND - Ngày 25/12/2015 - Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; học phí đối với các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định (tiếp tục thực hiện bởi Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND tỉnh) | Thay thế cụm từ “Hộ khẩu thường trú” thành cụm từ “nơi thường trú” tại điểm a khoản 2 Điều 1. | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 24/7/2023 |
| 96 | Nghị quyết | - Số 46/2016/NQ-HĐND - Ngày 09/12/2016 - Về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. | Khoản 1 Điều 1 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung tiêu đề và một số nội dung Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ | 27/7/2020 |
| 97 | Nghị quyết | - Số 17/2020/NQ-HĐND - Ngày 17/7/2020 - Sửa đổi, bổ sung tiêu đề và một số nội dung Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số | Thay thế cụm từ “Hộ khẩu thường trú” thành cụm từ “nơi thường trú” tại điểm a, b mục 2.1 khoản 2 Điều 1 | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 24/7/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ | | | |
| 98 | Nghị quyết | - Số 08/2022/NQ-HĐND - Ngày 20/7/2022 - Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | - Điểm c khoản 3 Điều 1; - Tiêu đề phần C của phụ lục kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bình Định quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | 01/4/2023 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 99 | Quyết định | - Số 36/2011/QĐ-UBND - Ngày 08/11/2011 - Phê duyệt Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập và công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | - Khoản 4 Điều 1; - Bổ sung quy định về mức thu và sử dụng học phí. | Sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | 08/9/2013 |
| 100 | Quyết định | - Số 33/2013/QĐ-UBND - Ngày 30/8/2013 - Về lộ trình thực hiện đối với 13 trường mầm non, mẫu giáo thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính | Sửa đổi, bổ sung lộ trình thực hiện | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình thực hiện đối với 13 trường mầm non, mẫu giáo thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính | 01/8/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| 101 | Quyết định | - Số 33/2015/QĐ-UBND - Ngày 07/12/2015 - Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính | Khoản 2 Điều 1. | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 86/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quy định về cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/01/2021 |
| 102 | Quyết định | - Số 55/2015/QĐ-UBND - Ngày 25/12/2015 - Quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ kinh phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định (được tiếp tục thực hiện bởi Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh) | Thay thế cụm từ “hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “nơi thường trú” tại điểm a khoản 2 Điều 1. | Được điều chỉnh tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| 103 | Quyết định | - Số 78/2016/QĐ-UBND - Ngày 21/12/2016 - Quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ | Khoản 1 và khoản 7 Điều 1 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung tiêu đề và một số nội dung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm | 10/8/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | | 2016 của Chính phủ | |
| 104 | Quyết định | - Số 15/2019/QĐ-UBND - Ngày 01/4/2019 - Ban hành Quy chế tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 1 Điều 1. Khoản 3 Điều 5. Dòng thứ 4 điểm b khoản 1 Điều 10. Điểm c khoản 2 Điều 10. Điểm a, b khoản 3 Điều 10. Gạch đầu dòng thứ 5 điểm b khoản 1 Điều 11. Gạch đầu dòng thứ 6 điểm a khoản 3 Điều 11. Gạch đầu dòng thứ 4, thứ 5 điểm c khoản 1 Điều 12. Gạch đầu dòng thứ 1, điểm a khoản 3 Điều 12. điểm f khoản 6 Điều 12. Điều 14. Điểm d khoản 1 Điều 15. Điểm a khoản 3 Điều 19. Điểm c, d khoản 1 Điều 24. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh | 11/5/2020 |
| | | | Khoản 3, 4 Điều 13 . | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 04/02/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Bình | 15/02/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | | Định | |
| 105 | Quyết định | - Số 48/2020/QĐ-UBND - Ngày 30/7/2020 - Sửa đổi, bổ sung tiêu đề và một số nội dung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ. | Thay thế cụm từ “hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “nơi thường trú” tại điểm a, điểm b, mục 2.1 khoản 2 Điều 1. | Được điều chỉnh tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| 106 | Quyết định | - Số 42/2022/QĐUBND - Ngày 05/8/2022 - Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định | - Điểm c Điều 3; - Tiêu đề của Phần C Phụ lục kèm theo. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 42/2022/QĐUBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh | 16/5/2023 |
| X. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG NGHIỆP (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 107 | Nghị quyết | - Số 36/2016/NQ-HĐND - Ngày 09/12/2016 - Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại tỉnh Bình Định | Khoản 4 Mục 1; Khoản 7 Mục 1. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định | 06/8/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 108 | Quyết định | - Số 09/2011/QĐ-UBND - Ngày 13/5/2011 - Về việc Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điều 1 ; - Điều 3; - Điều 4; - Khoản 4, Điều 5; - Khoản 6, Điều 5; - Khoản 4, Điều 7. | Được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh | 21/7/2014 |
| 109 | Quyết định | - Số 77/2016/QĐ-UBND - Ngày 19/12/2016 - Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Định | Khoản 4 Điều 8; | Được sửa đổi bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định | 20/8/2021 |
| 110 | Quyết định | - Số 22/2018/QĐ-UBND - Ngày 14/6/2018 - Ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điểm a, khoản 4 Điều 16 | Được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 16 của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 06/3/2020 |
| XI. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, TRẺ EM (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 111 | Nghị quyết | - Số 32/2018/NQ-HĐND - Ngày 07/12/2018 - Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội | Chỉ tiêu về tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội năm 2019 | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Điều chỉnh chỉ tiêu về tỷ lệ | 01/8/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|--|---|--|---|-----------------------------------|
| | | năm 2019 | | người lao động tham gia bảo hiểm xã hội năm 2019 theo Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 112 | Quyết định | - Số 40/2022/QĐ-UBND - Ngày 03/8/2022 - Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 | Điểm a, b khoản 3 Điều 9. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh | 10/8/2023 |
| | XII. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ THÔNG TIN, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG) | | | | |
| | NGHỊ QUYẾT | | | | |
| | Không | | | | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 113 | Quyết định | - Số 16/2011/QĐ-UBND - Ngày 15/7/2011 - Về việc Quy định mức trợ cấp cho cán bộ | - Khoản 2 Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Về việc Điều chỉnh, bổ sung khoản 2 Điều 1 | 30/10/2011 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | làm công tác quản trị mạng trên địa bàn tỉnh Bình Định | | Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức trợ cấp cho cán bộ làm công tác quản trị mạng trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| | | | Điều 11 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 92/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với các tác phẩm được đăng trên Cổng thông tin điện tử và Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | 02/01/2021 |
| 114 | Quyết định | - Số 12/2014/QĐ-UBND - Ngày 03/6/2014 - Ban hành Quy định giải thưởng Báo chí | - Điều 2; - Khoản 2 Điều 3; - Khoản 1 Điều 10; - Khoản 3 Điều 6; - Điều 8. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Về việc điều chỉnh, bổ sung quy định giải thưởng báo chí tỉnh Bình Định | 08/10/2018 |
| 115 | Quyết định | - Số 36/2016/QĐ-UBND - Ngày 08/7/2016 - Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo | Được thay thế một phần bởi Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | 19/8/2019 |
| 116 | Quyết định | - Số 60/2017/QĐ-UBND - Ngày 10/11/2017 - Ban hành quy định về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 3 Điều 3; Tiết 1 điểm a khoản 4 Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; | Được sửa đổi bởi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh Bình | 19/4/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | Khoản 3, 4 Điều 8; Khoản 2 Điều 11. | Định ban hành quy định về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| XIII. LĨNH VỰC GIAO THÔNG, VẬN TẢI (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 117 | Nghị quyết | - Số 29/2020/NQ-HĐND - Ngày 06/12/2020 - Về chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điểm a khoản 4 Mục III; - Điểm b khoản 4 Mục III; - Khoản 5 Mục III; - Khoản 6 Mục III. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh | 30/7/2022 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 118 | Quyết định | - Số 35/2014/QĐ-UBND - Ngày 23/12/2014 - Về việc điều chỉnh định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã vận tải Bình Minh | Điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với dịch vụ công ích vận tải khách công cộng bằng xe Buýt | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với dịch vụ công ích vận tải khách công cộng bằng xe Buýt trên địa bàn tỉnh | 18/4/2020 |
| 119 | Quyết định | - Số 60/2016/QĐ-UBND - Ngày 25/11/2016 - Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điều 5; - Khoản 2, 4 Điều 6; - Điều 8; - Điều 9; - Điều 10; - Điều 11; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và | 15/10/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13; - Điều 14; - Khoản 1 Điều 15 - Điểm a, b Khoản 3 Điều 15; - Điều 16; - Điều 17; - Điều 18 - Bãi bỏ phụ lục 1, 2, 3, 4, 5. | bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> Điều 9. Điều 10. Điểm b, c khoản 3 Điều 15. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 69/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh | 01/11/2020 |
| 120 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 59/2017/QĐ-UBND - Ngày 19/10/2017 - Về việc điều chỉnh số hiệu hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đường ven biển (ĐT.639) (Quy Nhơn - Tam Quan) | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đường ven biển (ĐT.639) (Quy Nhơn - Tam Quan) | 24/4/2020 |
| 121 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 46/2018/QĐ-UBND - Ngày 10/10/2018 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa | Khoản 4, khoản 5, điểm c, d khoản 9 Điều 1. | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 69/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh | 01/11/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | bàn tỉnh Bình Định | | | |
| 122 | Quyết định | - Số 94/2020/QĐ-UBND - Ngày 28/12/2020 - Ban hành chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh | - Điểm a khoản 4 Mục III; - Điểm b khoản 4 Mục III; - Khoản 5 Mục III; - Khoản 6 Mục III. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh | 10/8/2022 |
| XIV. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 123 | Nghị quyết | - Số 34/2012/NQ-HĐND - Ngày 07/12/2012 - Kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa 02 kỳ họp | Điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch 3 loại rừng tại mục 3 (Quy hoạch 3 loại rừng), nội dung 4 (phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng) của phụ lục kèm theo) | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Thông qua chủ trương điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020 tại Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân khóa XI | 24/7/2023 |
| 124 | Nghị quyết | - Số 27/2014/NQ-HĐND - Ngày 10/12/2014 - Về chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015-2020 | - Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1, - Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 1, - Khoản 4 Điều 1. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015-2020 | 01/8/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| 125 | Nghị quyết | - Số 29/2015/NQ-HĐND - Ngày 25/12/2015 - Về chính sách phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điều 3, - Điều 5, - Khoản 2 Điều 11 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết 18/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của chính sách ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/8/2018 |
| 126 | Nghị quyết | - Số 40/2016/NQ-HĐND - Ngày 09/12/2016 - Về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 - 2020 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điều 1, - Điều 4. | Được sửa đổi bởi Nghị quyết 95/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Chính sách về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, giai đoạn 2016 - 2020 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 18/12/2017 |
| 127 | Nghị quyết | - Số 10/2020/NQ-HĐND - Ngày 17/7/2020 - Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh | 24/7/2023 |
| 128 | Nghị quyết | - Số 33/2022/NQ-HĐND - Ngày 10/12/2022 | Thay thế cụm từ “Hộ khẩu” bằng cụm từ “Nơi thường trú” tại điểm c | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số | 24/7/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | - Ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026 | khoản 1 Điều 8. | điều của các nghị quyết liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | |
| 129 | Nghị quyết | - Số 12/2023/NQ-HĐND - Ngày 14/7/2023 - Thông qua chủ trương điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020 tại Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân khóa XI | Điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch ba loại rừng tại khoản 1 Điều 1. | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND tỉnh Thông qua chủ trương điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2020 tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định | 01/10/2023 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 130 | Quyết định | - Số 02/2011/QĐ-UBND - Ngày 14/01/2011 - Về việc Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điểm a, b Khoản 1 Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 và Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 04/4/2018 |
| 131 | Quyết định | - Số 32/2012/QĐ-UBND - Ngày 10/8/2012 - Ban hành mức hỗ trợ dân sinh, hỗ trợ sản xuất, tàu thuyền bị thiệt hại do thiên tai, bão lụt và dịch bệnh gây ra | Điều 1: Điểm 1, 2 và 4 Mục II, Điều | Sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh | 01/01/2013 |
| | | | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên | 01/8/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | | | tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| 132 | Quyết định | - Số 11/2013/QĐ-UBND - Ngày 03/6/2013 - Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định mức hỗ trợ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt và dịch bệnh gây ra quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/8/2018 |
| 133 | Quyết định | - Số 13/2014/QĐ-UBND - Ngày 13/6/2014 - Bổ sung Quy chế quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 1 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 và Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 04/4/2018 |
| 134 | Quyết định | - Số 52/2015/QĐ-UBND - Ngày 25/12/2015 - Về việc Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Điều 3. - Điều 6. - Khoản 2 Điều 12. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định | 01/8/2018 |
| 135 | Quyết định | - Số 67/2016/QĐ-UBND - Ngày 15/12/2016 | Điều chỉnh một số nội dung | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điều chỉnh, bổ | 01/01/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | - Ban hành định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 - 2020 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh | | sung chính sách về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh | |
| 136 | Quyết định | - Số 48/2018/QĐ-UBND - Ngày 28/8/2018 - Ban hành Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định | khoản 2, Điều 10. Điều 11 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 04/5/2020 |
| 137 | Quyết định | - Số 50/2019/QĐ-UBND - Ngày 25/9/2019 - Về việc Ban hành Quy chế quản lý tàu cá đăng ký tại tỉnh Bình Định hoạt động khai thác thủy sản ngoài tỉnh | Khoản 2 Điều 6; Điều 3; Khoản 7 Điều 4; Khoản 4, khoản 5 Điều 5. | Được sửa đổi bởi Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Về việc Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy chế quản lý tàu cá đăng ký tại tỉnh Bình Định hoạt động khai thác ngoài tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định | 15/4/2021 |
| 138 | Quyết định | - Số 44/2020/QĐ-UBND - Ngày 28/7/2020 - Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày | 01/9/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | | | 28/7/2020 của UBND tỉnh | |
| 139 | Quyết định | - Số 64/2020/QĐ-UBND - Ngày 17/9/2020 - Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định | | Được sửa đổi bởi Quyết định số 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh | 15/10/2021 |
| 140 | Quyết định | - Số 83/2022/QĐ-UBND - Ngày 20/12/2022 - Quy định chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022 - 2026 | Thay thế cụm từ “Hộ khẩu” bằng cụm từ “Nơi thường trú” tại điểm c khoản 1 Điều 8. | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| XV. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ) | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| 141 | Nghị quyết | - Số 14/2020/NQ-HĐND - Ngày 17/7/2020 - Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Khoản a Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh | 16/12/2023 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 142 | Quyết | - Số 50/2020/QĐ-UBND | - Khoản 1 Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số | 10/01/2024 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | định | - Ngày 03/8/2020 - Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định | | 90/2023/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| XVI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ | | | | | |
| NGHỊ QUYẾT | | | | | |
| | Không | | | | |
| QUYẾT ĐỊNH | | | | | |
| 143 | Quyết định | - Số 08/2012/QĐ-UBND - Ngày 22/3/2012 - Về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội | Điểm b Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 28 | Sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc sửa đổi một số điều của Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh Bình định | 09/8/2012 |
| 144 | Quyết định | - Số 23/2019/QĐ-UBND - Ngày 04/6/2019 - Ban hành Quy định chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu Kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định | - Điểm b, c khoản 4 Điều 4; - Khoản 2 Điều 6; - Điểm b khoản 2 Điều 11; - Khoản 2 Điều 16; - Khoản 4 Điều 17. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn | 05/5/2022 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|-------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | | | | Khu Kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định | |
| | | | Thay thế cụm từ “các cá nhân có tên trong sổ hộ khẩu gia đình” bằng cụm từ “các cá nhân có đăng ký thường trú” tại điểm c khoản 3 Điều 34. | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| 145 | Quyết định | - Số 34/2020/QĐ-UBND - Ngày 15/6/2020 - Ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội | Điều 5; Điều 6; | Được sửa đổi bởi Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 20/10/2021 |
| 146 | Quyết định | Số 41/2021/QĐ-UBND - Ngày 29/7/2021 - Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định | Thay thế cụm từ “có hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “có nơi thường trú” tại khoản 1 Điều 11. | Được điều chỉnh bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 10/8/2023 |
| | | XVII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA BAN DÂN TỘC | | | |
| | NGHỊ QUYẾT | | | | |
| 147 | Nghị quyết | - Số 14/2022/NQ-HĐND - Ngày 20/7/2022 | - Điểm b, khoản 4 Điều 10; | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều | 01/10/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|---|--|--|---|-----------------------------------|
| | | - Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 | - Điểm a khoản 2 Điều 15. | của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 148 | Quyết định | - Số 37/2022/QĐ-UBND - Ngày 25/7/2022 - Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 | Điểm b khoản 4 Điều 10; Điểm a khoản 2 Điều 15. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh | 10/10/2023 |
| | XVIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA CÔNG AN TỈNH | | | | |
| | NGHỊ QUYẾT | | | | |
| 149 | Nghị | - Số 28/2012/NQ-HĐND | Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số | 01/8/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|---|--|--|--|-----------------------------------|
| | quyết | - Ngày 07/12/2012 - Về tổ chức, xây dựng và bảo vệ chế độ, chính sách đối với lực lượng công an xã, tỉnh Bình Định | | 21/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức, xây dựng và bảo vệ chế độ, chính sách đối với lực lượng công an xã, tỉnh Bình Định | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |
| 150 | Quyết định | - Số 03/2008/QĐ-UBND - Ngày 17/01/2008 - Về việc ban hành Đề án Quy định chế độ phụ cấp hàng tháng và trang bị phương tiện làm việc cho lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Định | Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 1 | Sửa đổi, bổ sung bằng 15/2011/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc điều chỉnh chế độ phụ cấp hàng tháng và bổ sung trang bị, trang phục làm việc cho lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh | 24/7/2011 |
| 151 | Quyết định | - Số 24/2016/QĐ-UBND - Ngày 27/4/2016 - Về khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Bình Định | Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Bình Định. | 01/12/2018 |
| | XIX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH | | | | |
| | NGHỊ QUYẾT | | | | |
| | Không | | | | |
| | QUYẾT ĐỊNH | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| 152 | Quyết định | - Số 08/2017/QĐ-UBND - Ngày 01/3/2017 - Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | - Điều 1; - Điều 3; - Điều 4; - Điều 5; - Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định | 15/6/2018 |
| 153 | Quyết định | - Số 63/2019/QĐ-UBND - Ngày 17/12/2019 - Quy định việc tổ chức thu phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định | - Điều 1; - Khoản 1, khoản 2 Điều 2; - Khoản 1, khoản 2 Điều 3; - Điểm a khoản 3 Điều 3; - Điều 8; - Khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 10; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/10/2023 |
| 154 | Quyết định | - Số 27/2020/QĐ-UBND - Ngày 25/5/2020 - Quy chế hoạt động Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Bình Định | - Điểm b khoản 1 Điều 1; - Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 1; - Khoản 3, khoản 4 Điều 2; - Khoản 1 Điều 4; - Điều 5; - Điều 7; - Khoản 1 Điều 8; - Khoản 2, khoản 3 Điều 9; | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/10/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 11; - Điều 15; - Khoản 2, khoản 9 Điều 27; - Thay thế cụm từ “Công Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử” tại Điều 4, Điều 6, Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 bằng cụm từ “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.”. | | |
| 155 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 72/2020/QĐ-UBND - Ngày 20/11/2020 - Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 1 Điều 1; - Điểm d, điểm e khoản 2 Điều 1; - Khoản 5 Điều 3; - Khoản 2 Điều 4; - Điểm b khoản 1 Điều 5; - Điểm c khoản 2 Điều 5; - Điểm c khoản 3 Điều 5; - Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 8; - Tiêu đề Điều 10; khoản 1 Điều 10; - Khoản 1 Điều 12. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định | 10/10/2023 |
| 156 | Quyết định | <ul style="list-style-type: none"> - Số 03/2021/QĐ-UBND - Ngày 09/02/2021 - Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 1; - Khoản 2 Điều 2; - Điều 6; - Khoản 2, khoản 3 Điều | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác | 10/10/2023 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | Định | 8; - Điều 9; - Khoản 2 Điều 10; - Khoản 3 Điều 13; - Điểm a khoản 4 Điều 28; - Khoản 4, khoản 7 Điều 30; - Thay thế các cụm từ “mức độ 3”, “mức độ 4” tại khoản 8 Điều 28 và tại các Biểu mẫu số 1, Biểu mẫu số 2, Biểu mẫu số 4 lần lượt bằng các cụm từ “một phần”, “toàn trình”. | kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định | |
| B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không | | | | | |